

BÁO CÁO

Về việc tình hình thực hiện các dự án Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020 và dự kiến danh mục giai đoạn 2021-2025

Theo đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 4273/BKHĐT-KTNN ngày 21/6/2019 về việc rà soát các dự án Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020 và dự kiến danh mục giai đoạn 2021-2025, UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo một số nội dung như sau:

I. Đánh giá việc thực hiện quản lý, bảo vệ, phát triển rừng

1. Đánh giá chung

Từ năm 2016, tỉnh Quảng Ngãi được Trung ương cân đối hỗ trợ nguồn kinh phí để thực hiện công tác quản lý bảo vệ rừng và phát triển rừng theo Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững, với tổng kinh phí hỗ trợ giai đoạn 2016-2019 là 58,3 tỷ đồng, chủ yếu thực hiện: Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng; hỗ trợ bảo vệ rừng; hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh có trồng bổ sung; thực hiện duy tu bảo dưỡng các công trình lâm nghiệp sau đầu tư; hỗ trợ quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng; hỗ trợ thực hiện các công trình phòng cháy, chữa cháy rừng, cùng với nguồn kinh phí của tỉnh, tiền dịch vụ môi trường rừng, các dự án đã góp phần bảo vệ và nâng cao chất lượng diện tích rừng hiện có; góp phần đáp ứng các yêu cầu về giảm nhẹ thiên tai, bảo vệ môi trường sinh thái, ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng; tạo việc làm, tăng thu nhập, góp phần xóa đói, giảm nghèo, cải thiện sinh kế cho người dân làm nghề rừng trên địa bàn tỉnh.

2. Những tồn tại, khó khăn

a) Nhu cầu vốn năm 2019 để hỗ trợ bảo vệ rừng theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP chưa được bố trí, hiện nay còn thiếu so với nhu cầu vốn năm 2019 là **11,018 tỷ đồng**. Hầu hết diện tích rừng này là rừng tự nhiên nghèo nên việc hưởng lợi từ rừng rất hạn chế nên rất khó khăn trong công tác vận động tuyên truyền cho các chủ rừng là hộ gia đình, cộng đồng dân cư tổ chức bảo vệ rừng (có biểu kèm theo).

b) Do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, tình hình thời tiết diễn biến phức tạp nắng nóng kéo dài từ cục bộ lan sang diện rộng từ tháng 12/2018 đến nay, cùng với đó là ý thức trách nhiệm của một bộ phận người dân chưa cao trong việc đốt thực bì, dọn vệ sinh sau khai thác, đốt ong, đốt rác sinh hoạt, ... mặc dù đã triển khai quyết liệt các biện pháp nhưng vẫn xảy ra trên 49 vụ cháy rừng

thiệt hại trên 184 ha rừng; cùng với đó trên 1.000 ha rừng keo chết do nắng nóng kéo dài, thiệt hại lớn cho người dân.

c) Công tác quản lý nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp cơ bản đã được các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương quan tâm chỉ đạo, thực hiện. Tuy nhiên, biên chế của lực lượng Kiểm lâm ngày càng thu hẹp, cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện đã được đầu tư nhưng còn hạn chế, một số Hạt Kiểm lâm không có phương tiện vận chuyển dụng cụ thiết bị chữa cháy rừng, phải thuê xe chở dụng cụ thiết bị nên triển khai lực lượng chậm.

d) Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật có những thay đổi khi Luật Lâm nghiệp có hiệu lực, một số nội dung có liên quan công tác PCCCR không có quy định chuyên tiếp đã ảnh hưởng đến hoạt động của cơ quan Kiểm lâm, cũng như chính quyền địa phương khi triển khai nhiệm vụ PCCCR.

e) Đối với công tác trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn trên địa bàn tỉnh gặp nhiều khó khăn, do nhiều nguyên nhân như: người dân thiếu vốn đầu tư sản xuất để trồng rừng có chu kỳ dài và việc kinh doanh rừng trồng gỗ lớn lâu cho thu hồi vốn trong khi mức độ rủi ro cao do thiên tai gây ra. Rừng trồng sản xuất ở Quảng Ngãi hầu hết thuộc sở hữu của hộ gia đình, cá nhân, quy mô nhỏ với diện tích dưới 5 ha. Hệ thống cơ sở hạ tầng lâm nghiệp phục vụ cho các vùng thâm canh trồng rừng còn thiếu và nhiều năm chưa được đầu tư, do đó việc triển khai lập phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng trồng cũng gặp nhiều khó khăn.

f) Hiện nay, trên địa bàn tỉnh chưa có một cơ sở sản xuất kinh doanh giống chất lượng (cây mô) mang tầm chiến lược, đảm bảo đáp ứng số lượng cung cấp giống cây trồng lâm nghiệp hàng năm, chủ yếu là các cơ sở sản xuất giống tư nhân với quy mô nhỏ lẻ, tự phát chưa đảm bảo các điều kiện về sản xuất kinh doanh còn chiếm tỷ lệ lớn.

3. Kiến nghị, đề xuất

a) Đề thực hiện tốt công tác bảo vệ rừng và tăng thu nhập cho hộ dân, góp phần xóa đói, giảm nghèo, tạo động lực thu hút người dân tham gia bảo vệ rừng, từng bước giảm áp lực vào rừng, góp phần đổi mới bộ mặt nông thôn miền núi, kính đề nghị các bộ ngành xem xét bố trí bổ sung kinh phí năm 2019 (**11,018 tỷ đồng**) để tỉnh Quảng Ngãi thực hiện tốt công tác bảo vệ rừng (*có biểu kèm theo*).

b) Tổ chức các lớp đào tạo để nâng cao năng lực về quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng cho cán bộ quản lý nhà nước về lĩnh vực lâm nghiệp tại các địa phương. Đồng thời tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất lâm nghiệp, đặc biệt là trồng rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi tiếp cận với các nguồn vốn để đánh giá, cấp chứng chỉ rừng và quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn, tiêu chí của Việt Nam phù hợp với thế giới.

c) Rà soát sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm kỹ thuật, văn bản hướng dẫn để tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng theo các quy định hiện hành.

II. Các dự án trên địa bàn tỉnh sử dụng vốn ngân sách Trung ương đang thực hiện năm 2016-2020, nhưng bố trí chưa đủ vốn

1. Dự án nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2015-2020

1.1. Thông tin dự án

a) Tên dự án: Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2015-2020

b) Quyết định số: 139/QĐ-UBND ngày 22/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi.

c) Chủ đầu tư dự án: Chi cục Kiểm lâm Quảng Ngãi. Điện thoại: 02553824177, Fax: 02553823541

d) Thời gian thực hiện dự án: 06 năm (2015 – 2020).

e) Mục tiêu dự án:

- Bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên rừng, góp phần hạn chế tối đa tình trạng cháy rừng, các hình thức xâm phạm tài nguyên rừng, đất rừng và đảm bảo an ninh môi trường sinh thái trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao năng lực PCCCR cho lực lượng bảo vệ rừng nói chung và Kiểm lâm toàn tỉnh nói riêng, để có đủ khả năng kiểm soát, phòng ngừa cháy rừng và hiệu lực của công tác PCCCR, giảm thiểu số vụ cháy và thiệt hại do cháy rừng gây ra.

- Nâng cao năng lực quản lý công việc cũng như điều hành công việc giữa Chi cục với các đơn vị trực thuộc.

f) Phạm vi thực hiện: Dự án được thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

g) Tổng mức đầu tư: 60.928 triệu đồng, gồm: Vốn Trung ương: 45.000 triệu đồng; Vốn tỉnh: 15.928 triệu đồng.

h) Các hạng mục đầu tư chủ yếu

(1) Đào tạo, tập huấn, tuyên truyền: Đào tạo, tập huấn: 45 lớp; Ấn phẩm tuyên truyền: 100.000 tờ;

(2) Xây dựng công trình PCCCR: Bảng tuyên truyền trực quan: 30 bảng; Bảng dự báo cấp cháy rừng: 30 bảng; Trạm + Kho chứa dụng cụ thiết bị, ga ra cho các Hạt Kiểm lâm: 3.000 m²; Văn phòng thường trực BCH PCCCR tỉnh: 150 m².

(3) Mua sắm phương tiện: Ôtô 7 chỗ tuần tra, chỉ huy chữa cháy rừng : 01 chiếc; Ôtô bán tải chở người và thiết bị chữa cháy: 12 chiếc; Mô tô tuần tra, kiểm tra rừng: 25 chiếc; Xuồng máy (cano): 05 chiếc.

(4) Mua sắm thiết bị, dụng cụ chữa cháy rừng: Máy bơm khiêng tay và phụ kiện: 10 bộ; Máy bơm nổi và phụ kiện: 01 bộ; Máy thổi gió: 200 chiếc; Máy cắt thực bì: 100 chiếc; Máy cưa xăng: 100 chiếc; Máy phát điện 5KVA: 05 chiếc; Lều bạt di động: 15 bộ; Quần áo chữa cháy: 300 bộ; Loa Pin cầm tay chỉ huy chữa cháy: 44 chiếc; Câu lim: 500 cái; Bàn đập lửa: 3.000 cái; Rựa cán dài: 3.000 cái;

(5) Thiết bị thông tin, tuyên truyền và làm việc: Máy định vị GPS: 66 chiếc; Máy tính xách tay: 25 bộ; Máy ảnh KTS: 22 chiếc; Ống nhòm nhìn ban đêm có quay camera: 22 chiếc; Máy chiếu: 22 bộ; Màn chiếu: 22 bộ; Camera: 22 cái; Máy tuyên truyền cơ động: 44 bộ.

(6) Thiết bị làm việc: Máy tính để bàn+Máy in A4;25 bộ; Máy photocopy: 22 cái; Máy in Ao: 01 cái; Máy in A3: 01 cái; Tủ gỗ đựng tài liệu: 22 cái; Bản đồ chỉ đạo công tác PCCCR: 22 tấm

(7) Ứng dụng khoa học công nghệ: Phần mềm GIS về quản trị cơ sở dữ liệu quản lý bảo vệ rừng, phát hiện sớm cháy rừng và chỉ huy chữa cháy rừng: 01 bộ; Phần mềm quản trị và điều hành công việc: 01 bộ.

(8) Diễn tập chữa cháy rừng: Cấp tỉnh: 01 đợt; Cấp huyện: 03 đợt.

1.2. Tình hình thực hiện dự án và kết quả đạt được

- Năm 2016: Ôtô 7 chỗ tuần tra, chỉ huy chữa cháy rừng: 01 chiếc; Ôtô bán tải chở người và thiết bị chữa cháy: 03 chiếc; Máy bơm nổi và phụ kiện: 01 bộ; Máy thổi gió: 50 cái; Máy cắt thực bì: 50 cái; Máy cưa xăng: 50 cái; Máy tính xách tay: 25 bộ; Văn phòng thường trực Ban chỉ huy PCCCR tỉnh: 166,5m²;

- Năm 2017: Xây dựng các Trạm + Kho chứa dụng cụ: 583,8 m²; Mua thiết bị PCCCR: Loa cầm tay: 20 cái; Máy thổi gió: 54 cái.

- Năm 2018: Xây dựng các trạm + kho chứa dụng cụ tại 03 huyện Sơn Tây, Mộ Đức, Bình Sơn.

- Năm 2019: Xây dựng các trạm + kho chứa dụng cụ tại HKL liên huyện Sơn Tịnh và TP. Quảng Ngãi, Trà Bồng; Mua sắm thiết bị PCCCR (Máy cắt thực bì, Máy thổi gió, Máy chiếu + màn chiếu, Máy định vị GPS, Quần áo chữa cháy).

1.3. Về kinh phí thực hiện 2016-2019

Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công dự kiến đến hết năm 2019: 23.000 triệu đồng (Trung ương: 23.000 triệu đồng); trong đó, năm 2016: 7.000 triệu đồng, năm 2017: 5.000 triệu đồng, năm 2018: 5.000 triệu đồng, năm 2019: 6.000 triệu đồng.

1.4. Dự kiến kế hoạch 2020: 22.000 triệu đồng;

Đào tạo, tập huấn, tuyên truyền (Đào tạo, tập huấn, Ấn phẩm tuyên truyền); Xây dựng công trình PCCCR (Bảng tuyên truyền trực quan, Bảng dự báo cấp cháy rừng, Trạm + Kho chứa dụng cụ thiết bị, ga ra cho các Hạt Kiểm lâm), Mua sắm phương tiện, thiết bị, dụng cụ (Phương tiện: Ôtô bán tải chở người và thiết bị chữa cháy, Mô tô tuần tra, kiểm tra rừng, Xuồng máy; Thiết bị,

dụng cụ chữa cháy rừng: Máy bơm khiêng tay và phụ kiện, Máy bơm nổi và phụ kiện, Máy thổi gió, Máy cắt thực bì, Máy cưa xăng, Máy phát điện 5KVA, Lều bạt di động, Quần áo chữa cháy, Loa Pin cầm tay chỉ huy chữa cháy; Thiết bị thông tin, tuyên truyền và làm việc: Máy định vị GPS, Máy tính xách tay, Máy ảnh KTS, Ống nhòm nhìn ban đêm có quay camera, Máy chiếu + Màn chiếu, Camera, Máy tuyên truyền cơ động, Máy tính để bàn + Máy in A4, Máy photocopy, Máy in A0, Máy in A3, Tủ gỗ đựng tài liệu, Bản đồ chỉ đạo công tác PCCC; Ứng dụng khoa học công nghệ (Phần mềm GIS về quản trị cơ sở dữ liệu quản lý bảo vệ rừng, phát hiện sớm cháy rừng và chỉ huy chữa cháy rừng, Phần mềm quản trị và điều hành công việc); Diễn tập chữa cháy rừng (Cấp tỉnh, Cấp huyện).

1.5. Một số khó khăn

Dự án đang thực hiện nhưng nguồn vốn bố trí không đủ theo tiến độ dự án được duyệt nên việc tổ chức thực hiện gặp rất nhiều khó khăn và có khả năng thực hiện chậm hơn so dự án được duyệt.

1.6. Kiến nghị và đề xuất

Đây là dự án mang tính cấp bách về công tác quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng vì vậy, cần quan tâm đầu tư nhằm đảm bảo phương tiện, vật chất đảm ứng tốt yêu cầu quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể:

- Cần xem xét ưu tiên bố trí nguồn vốn theo kế hoạch được duyệt để có điều kiện thực hiện kịp thời theo kế hoạch; đồng thời, hạn chế những rủi ro trượt giá và đáp ứng tốt công tác phòng cháy chữa cháy rừng.

- Trường hợp bố trí kinh phí không đảm bảo để thực hiện trong giai đoạn 2015-2020, đề nghị chuyển tiếp dự án sang giai đoạn sau để hoàn thành các hạng mục của dự án.

2. Các dự án đang trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt báo cáo đề xuất

2.1. Đề xuất dự án "Phục hồi và quản lý rừng bền vững tại Miền Trung và Miền Bắc Việt Nam - Giai đoạn 1" do CHLB Đức tài trợ thông qua KfW (KfW9), với các nội dung chính như sau:

a) Tên dự án: Dự án "Phục hồi và quản lý bền vững rừng khu vực miền Trung và miền Bắc Việt Nam Giai đoạn I" trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (Gọi tắt là dự án thành phần KfW9 giai đoạn 1 tỉnh Quảng Ngãi).

b) Cơ quan chủ quản, đơn vị đề xuất chương trình, dự án và chủ dự án (dự kiến):

- Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đơn vị đề xuất và Chủ dự án cấp tỉnh: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi; Địa chỉ liên lạc: Số 180 đường Hùng Vương, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

c) Thời gian thực hiện: 07 năm (Quý /2019 – 2025);

d) Nhà tài trợ: Chính phủ Cộng hoà Liên bang Đức thực hiện thông qua Ngân hàng tái thiết Đức (viết tắt là KfW).

e) Mục tiêu tổng quát: Các nhóm mục tiêu được hưởng lợi dài hạn về kinh tế và môi trường từ việc bảo tồn và cải thiện nguồn tài nguyên rừng tự nhiên và đa dạng sinh học thông qua tăng cường chức năng bảo vệ rừng và bảo tồn di sản thiên nhiên.

f) Những nội dung, hoạt động chủ yếu của dự án và các hợp phần:

- Quản lý khu vực phòng hộ (Rừng đặc dụng); Thiết lập và hoạt động Quản lý rừng cộng đồng; Bảo vệ và phục hồi rừng phòng hộ (BQL rừng phòng hộ); Hỗ trợ các nhóm Hợp tác hộ gia đình trong Quản lý rừng bền vững; Hội thảo, hội nghị và tập huấn; Hoạt động phát triển cộng đồng khác; Giám sát, lập bản đồ và nghiên cứu.

- Tăng cường năng lực thực hiện công tác quản lý, bảo vệ rừng, phát triển rừng cho các bên tham gia dự án.

g) Kết quả dự kiến của dự án:

- Quản lý rừng cộng đồng 46 thôn/4 huyện trên địa bàn tỉnh được cải thiện cuộc sống và nâng cao nhận thức về việc bảo vệ và quản lý rừng bền vững.

- Thiết lập 3.100 ha rừng được khoanh nuôi xúc tiến tái sinh.

- Thiết lập 2.920 ha rừng được đưa vào quản lý rừng cộng đồng thôn (Mô hình CFM).

- Trồng rừng vào các đám trống (khoảng trống) là: 1.018 ha.

- Trồng rừng mới bằng cây bản địa: 51 ha.

- Xây dựng được các cơ chế chính sách cho ngành lâm nghiệp.

- Hỗ trợ xây dựng tài liệu hoá trong các nhà trường nhằm giảng dạy về công tác quản lý tài nguyên thiên nhiên và giáo dục môi trường.

h) Thông tin nguồn vốn: Tổng đầu tư: 129.028 triệu đồng, gồm:

- Vốn đối ứng NS tỉnh: 32.693 triệu đồng; Vốn nhà tài trợ: 96.335 triệu đồng;

- Đưa vào cân đối NSTW: 23.534 triệu đồng; Tỉnh vay lại: 72.801 triệu đồng.

* Dự kiến vốn bố trí giai đoạn 2016-2020: 29.676 triệu đồng, trong đó:

- Vốn đối ứng NS tỉnh: 7.519 triệu đồng; Vốn nhà tài trợ: 22.157 triệu đồng;

- Đưa vào cân đối NSTW: 5.413 triệu đồng; Tỉnh vay lại: 16.744 triệu đồng.

* *Nhu cầu đầu tư 5 năm giai đoạn 2021-2025: 99.352 triệu đồng; trong đó:*

- Vốn đối ứng NS tỉnh: 25.174 triệu đồng; Vốn nhà tài trợ: 74.178 triệu đồng;

- Đưa vào cân đối NSTW: 18.121 triệu đồng; Tỉnh vay lại: 56.057 triệu đồng.

III. Các dự án dự kiến sử dụng ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025

1. Dự án hỗ trợ đầu tư trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn; hỗ trợ, khuyến khích trồng cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2021-2030.

2. Dự án đầu tư đường băng cản lửa kết hợp phân định ranh giới giữa các loại rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

3. Dự án bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2021-2030

4. Dự án quản lý bảo vệ và phát triển rừng tự nhiên sản xuất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

5. Trồng mới rừng phòng hộ ven biển và cảnh quan môi trường tại huyện ven biển tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2021-2025.

(có thông tin các dự án khởi công mới kèm theo).

Kính báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- VP BCĐ QG CTMTPTLNBV;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- VP BCĐ CTMTPTLNBV (CCKL Q.Ngãi);
- VPUVB: CVP, PCVP (NL), TH, CBTH.
- Lưu: VT, NNTN (lnphong311)

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tăng Bính

Mẫu số 01

TỔNG HỢP CÁC DỰ ÁN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP BỀN VỮNG
(Kèm theo Báo cáo số 179/BC-UBND ngày 09/8/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian		Quyết định đầu tư			2016-2020				Lũy kế vốn đã bố trí vốn từ khởi công đến hết năm 2019		2021-2025			Ghi chú	
				Khởi công	Hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tro ng đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tr ong đó: NS T W		Tổng số	Trong đó					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tro ng đó: NST W		Tổng số
				Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Thu hồi các khoản ứng trước			Thanh toán nợ XDCB										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	17	18	19	20	21
	TỔNG						60.928	45.000	60.928	45.000			23.000	23.000	1.671.968	1.226.920			
I	Các dự án chuyển tiếp						60.928	45.000	60.928	45.000			23.000	23.000					
1	Dự án Nâng cao năng lực PCCCR tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2015-2020	Tỉnh Quảng Ngãi	Trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	2015	2020	139/QĐ-UBND ngày 22/01/2016	60.928	45.000	60.928	45.000			23.000	23.000					
II	Các dự án khởi công mới, hoàn thành sau năm 2025														1.671.968	1.226.920			
1	Dự án hỗ trợ đầu tư trồng rừng nguyên	Tỉnh Quảng	Trên địa												160.658	33.425			

TT	Dan h mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian		Quyết định đầu tư			2016-2020			Lũy kế vốn đã bố trí vốn từ khởi công đến hết năm 2019		2021-2025			Ghi chú		
				Khởi công	Hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng.	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			Tổng số	Tro	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
							Tổng số (tất cả)	Trong đó: NS											
	liệu gỗ lớn; hỗ trợ, khuyến khích trồng cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2021-2030	g Ngãi	bàn tỉnh Quảng Ngãi																
2	Dự án đầu tư đường băng cản lửa kết hợp phân ranh giới giữa các loại rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	Tỉnh Quảng Ngãi	Trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi											564.000	464.000				
3	Dự án bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2021-2030	Tỉnh Quảng Ngãi	Trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	2021	2030									670.000	460.000				
4	Dự án quản lý bảo vệ và phát triển	Tỉnh Quảng Ngãi	Trên địa bàn tỉnh	2021	2030									177.310	169.995				

TT	Dan h mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian		Quyết định đầu tư			2016-2020			Lũy kế vốn đã bố trí vốn từ khởi công đến hết năm 2019		2021-2025			Ghi chú	
				Khởi công	Hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Tro	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
							Tổng số (tất cả)	Trong đó: NS			Trong đó					Trong đó		
	rừng tự nhiên sản xuất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;		Quảng Ngãi															
5	Trồng mới rừng phòng hộ ven biển và cảnh quan môi trường tại huyện ven biển tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2021-2025.													100.000	99.500			

Phụ lục 01:
TỔNG HỢP DIỆN TÍCH VÀ KINH PHÍ CHƯA ĐƯỢC BỔ TRÍ NĂM 2019 -
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP BỀN VỮNG
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /8/2019 của
UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Huyện	Diện tích (ha)				Kinh phí chưa bố trí hỗ trợ (tr.đồng)			
		Tổng cộng	NĐ số 75/2015 /NĐ-CP	NĐ số 119/N Đ-CP	QĐ số 38/2016 /QĐ-TTg	Tổng cộng	NĐ số 75/2015 /NĐ-CP	NĐ số 119/N Đ-CP	QĐ số 38/2016 /QĐ-TTg
1	Nghĩa Hành	2.053	2.053			879	879		
2	Bình Sơn	1.650	1.186	464		731	508	224	
3	Đức Phổ	1.485		547	938	565		263	301
4	Minh Long	640	640			274	274		
5	Tây Trà	391	391			167	167		
6	Ba Tơ	10.234	10.234			4.380	4.380		
7	Sơn Tây	2.932	2.932			1.255	1.255		
8	Tur Nghĩa	2.232	2.232			955	955		
9	Mộ Đức	1.456	1.026	430		646	439	207	
10	Lý Sơn								
11	Trà Bồng	2.869	2.869			1.228	1.228		
	T.cộng	<u>25.943</u>	23.564	1.441	938	<u>11.081</u>	10.085	648	301

Phụ lục 02:

THÔNG TIN CÁC DỰ ÁN

(Kèm theo Báo cáo số 179/UBND ngày 09/8/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

DỰ ÁN 1

HỖ TRỢ ĐẦU TƯ TRỒNG RỪNG NGUYÊN LIỆU GỖ LỚN; HỖ TRỢ, KHUYẾN KHÍCH TRỒNG CÂY GỖ NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI, GIAI ĐOẠN 2021- 2030

I. SỰ CẦN THIẾT

Tiếp tục thực hiện Dự án Hỗ trợ đầu tư trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn; hỗ trợ, khuyến khích trồng cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 và triển khai có hiệu quả định hướng tại Quy hoạch vùng nguyên liệu rừng trồng gỗ lớn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030 đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1528/QĐ-UBND ngày 19/8/2016; Việc thực hiện dự án Hỗ trợ đầu tư trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn; hỗ trợ, khuyến khích trồng cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030 là rất cần thiết.

II. CHỦ ĐẦU TƯ

1. Cơ quan chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Ngãi
2. Cơ quan tổ chức thực hiện: Chi cục Kiểm lâm tỉnh Quảng Ngãi

III. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;
- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;
- Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Đầu tư công;
- Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp;
 - Thông tư số 02/2018/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Quyết định 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/09/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp;
 - Thông tư số 21/2017/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Quyết định số 886/QĐ-TTg ngày 16 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê

duyet Chương trình mục tiêu Phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020.

- Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn một số nội dung quản lý công trình lâm sinh.

- Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 25/5/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2015-2020;

- Quyết định số 1528/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, về việc phê duyệt Quy hoạch vùng nguyên liệu rừng trồng gỗ lớn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030;

IV. MỤC TIÊU, QUY MÔ, ĐỊA ĐIỂM VÀ PHẠM VI ĐẦU TƯ

1. Mục tiêu

Góp phần hỗ trợ nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị rừng trồng sản xuất, tạo vùng nguyên liệu tập trung ổn định lâu dài để chủ động cung cấp nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến gỗ với hiệu quả kinh tế cao.

2. Quy mô

Diện tích dự kiến hỗ trợ đầu tư: 2.000 ha.

3. Địa điểm

Trên địa bàn các huyện: Sơn Hà, Ba Tơ, Đức Phổ, Mộ Đức, Trà Bồng, Bình Sơn, Sơn Tịnh, Nghĩa Hành, Tư Nghĩa và Sơn Tây tỉnh Quảng Ngãi.

4. Phạm vi đầu tư

Hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân, tổ chức trồng rừng (trồng mới, trồng lại, chuyển hóa) sản xuất gỗ lớn, cây gỗ nguy cấp quý hiếm.

V. SƠ BỘ TỔNG MỨC ĐẦU TƯ VÀ CƠ CẤU NGUỒN VỐN

1. Tổng mức đầu tư: 160.658 triệu đồng.

2. Nguồn kinh phí

2.1. Ngân sách hỗ trợ: 33.425 triệu đồng;

2.2. Vốn chủ rừng: 129.191 triệu đồng.

VI. THỜI GIAN THỰC HIỆN DỰ ÁN

Giai đoạn từ năm 2021-2030./.

DỰ ÁN 2

TRỒNG VÀ CHĂM SÓC ĐƯỜNG BĂNG CẢN LỬA KẾT HỢP PHÂN ĐỊNH RANH GIỚI GIỮA CÁC LOẠI RỪNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI

I. SỰ CẦN THIẾT

Nhằm ổn định độ che phủ rừng sau năm 2020, cần tăng cường công tác bảo vệ rừng, phát triển rừng và PCCCR. Thực tế hiện nay tình trạng xâm lấn, lấn chiếm, phá rừng, tranh chấp đất lâm nghiệp tại một số địa phương diễn ra phức tạp đã ảnh hưởng đến công tác bảo vệ rừng, phát triển rừng, đặc biệt là diện tích đất rừng phòng hộ, cần được quản lý bền vững về diện tích và chất lượng, bảo đảm hài hòa các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo tồn đa dạng sinh học, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng, giá trị dịch vụ môi trường rừng và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Qua thực tiễn, thực tế và các văn bản pháp lý hiện hành có liên quan. Để hạn chế và hướng đến chấm dứt tình trạng xâm lấn, lấn chiếm tranh chấp đất lâm nghiệp nhằm phát triển lâm nghiệp bền vững, nâng cao chất lượng và làm giàu rừng. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất giải pháp ***“đầu tư đường băng xanh cản lửa kết hợp phân định ranh giới giữa các loại rừng”*** đây là giải pháp bảo vệ rừng, phát triển rừng và PCCCR rất quan trọng, cấp thiết và phù hợp với hiện thực khách quan tại các địa phương, các khu vực có rừng xâm lấn, lấn chiếm cao trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

II. CHỦ ĐẦU TƯ

1. Cơ quan chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Ngãi
2. Cơ quan tổ chức thực hiện: Ban quản lý rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi; UBND các huyện/thành phố.

III. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;
- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ *Quy định* chi tiết thi hành một số điều của *Luật Lâm nghiệp*;
- Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Đầu tư công;
- Các Thông tư của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gồm, Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT quy định về quản lý rừng bền vững; *Thông tư 29/2018/TT-BNNPTNT* Quy định về các biện pháp lâm sinh, ngày 16/11/2018.
- Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp;
- Thông tư số 02/2018/TT-BKHĐT của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Quyết định

38/2016/QĐ-TTg ngày 14/09/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp;

- Thông tư số 21/2017/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Quyết định số 886/QĐ-TTg ngày 16 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020.

- Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn một số nội dung quản lý công trình lâm sinh.

- Quyết định số 434/QĐ-UBND ngày 20/6/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi Ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 22-CTr/TU ngày 04/4/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng;

- Quyết định số 30/2010/QĐ-UBND ngày 01/12/2010 của UBND tỉnh Quảng Ngãi Ban hành Quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

- Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi Phê duyệt kết quả Rà soát điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Căn cứ vào tình hình thực tiễn tại địa phương và các quy định khác hiện hành có liên quan.

IV. MỤC TIÊU, QUY MÔ, ĐỊA ĐIỂM VÀ PHẠM VI ĐẦU TƯ

1. Mục tiêu

1.1. Giải quyết cụ thể từng khu vực bị xâm lấn, lấn chiếm, hài hòa giữa lợi ích của Nhà nước với lợi ích của chủ rừng, tổ chức, cá nhân hoạt động lâm nghiệp; Từng bước hạn chế tình trạng lấn chiếm đất rừng, phá rừng phòng hộ để trồng rừng nguyên liệu; Tạo quỹ đất sạch trong phạm vi ranh giới quy hoạch rừng phòng hộ để phát triển bền vững rừng phòng hộ; kêu gọi các tổ chức trong và ngoài nước tham gia đầu tư phục hồi rừng;

1.2. Phân định ranh giới cụ thể trên thực địa, trên bản đồ và lập hồ sơ quản lý rừng; Hình thành và xác định ranh giới vững chắc, lâu dài phục vụ công tác cập nhật hồ sơ quản lý bằng công nghệ thông tin, là một trong những cơ sở giao khoán ngoài thực địa;

1.3. Tăng cường khả năng phòng hộ, chống sạt lở, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu bão, lũ quét;

1.4. Tận dụng tối đa đất đai, không gian dinh dưỡng khi trồng hỗn giao nhiều loài cây. Tăng giá trị hình thành rừng đáp ứng kế hoạch Tái cơ cấu ngành lâm nghiệp giai đoạn 2018-2020;

1.5. Tăng cường khả năng phòng chống cháy lan, hạn chế lây lan sâu bệnh hại giữa khu vực rừng sản xuất và rừng phòng hộ;

1.6. Tạo ranh giới trực quan, nhận biết giữa rừng phòng hộ và rừng sản xuất;

1.7. Làm căn cứ pháp lý để xử lý các hành vi vi phạm theo pháp luật lâm nghiệp;

1.8. Tăng khả năng tự phục hồi của đất rừng phòng hộ bên trong đai cây xanh theo Chỉ thị số 13-CT/TU ngày 12/01/2017 của Ban bí thư Trung ương Đảng;

1.9. Tăng khả năng nhận biết khu vực nhận khoán bảo vệ rừng cho người dân, thông qua công tác nhận khoán bảo vệ rừng, thu hái lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng sẽ góp phần cải thiện cuộc sống, tăng thu nhập cho hộ dân;

1.10. Bảo đảm công khai, minh bạch, sự tham gia của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư liên quan trong hoạt động lâm nghiệp;

1.11. Từng bước xã hội hóa hoạt động lâm nghiệp; bảo đảm hài hòa giữa lợi ích của Nhà nước với lợi ích của chủ rừng, tổ chức, cá nhân hoạt động lâm nghiệp;

2. Quy mô

Tổng diện tích đầu tư băng cản lửa là 2.820 ha, gồm:

2.1. Tổng chiều dài trồng đường băng xanh cản lửa kết hợp phân định ranh giới giữa các loại rừng 2.320 ha (Tương đương **1.160 km**, chiều rộng băng trồng bình quân 20 m – dọc theo ranh giới quy hoạch phòng hộ),

2.2. Tổng chiều dài đường băng trắng cản lửa kết hợp làm đường lâm sinh và phân định ranh giới các loại rừng là 500 ha (tương đương **500 km**, chiều rộng băng trồng bình quân 10 m - dọc theo ranh giới quy hoạch rừng sản xuất)

3. Địa điểm

Tại các khu vực rừng phòng hộ bị xâm lấn, lấn chiếm cao để tổ chức thực hiện nhiệm vụ, cụ thể tại các vùng giáp ranh như: Đức Phổ, Ba Tơ giáp với An Lão, Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định; Trà Khê, Trà Xinh, huyện Tây Trà giáp với Trà Ka, Trà Giáp, tỉnh Quảng Nam, các xã miền núi có rừng tự nhiên nhưng khả năng bị xâm hại cao,...

4. Phạm vi đầu tư

- Phạm vi quy hoạch 03 loại rừng trên bàn tỉnh Quảng Ngãi

V. SƠ BỘ TỔNG MỨC ĐẦU TƯ VÀ CƠ CẤU NGUỒN VỐN

1. Tổng mức đầu tư: 564.000 triệu đồng, gồm:

1.1. Tổng kinh phí đầu tư chiều dài trồng đường băng xanh cản lửa kết hợp phân định ranh giới giữa các loại rừng: 464.000 triệu đồng (bình quân 200 triệu đồng/01 ha);

1.2. Tổng kinh phí đầu tư đường băng trắng cản lửa kết hợp làm đường lâm sinh và phân định ranh giới các loại rừng: 100.000 triệu đồng (bình quân 200 triệu đồng/01 ha).

2. Nguồn kinh phí

2.1. Ngân sách Trung ương: 423.000 triệu đồng.

2.2. Ngân sách tỉnh (quản lý dự án): 141 triệu đồng;

VI. THỜI GIAN THỰC HIỆN DỰ ÁN

Giai đoạn từ năm 2021-2025./.

DỰ ÁN 3

DỰ ÁN BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG PHÒNG HỘ TỈNH QUẢNG NGÃI, GIAI ĐOẠN 2021-2030

I. SỰ CẦN THIẾT

Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi (*Gọi tắt Ban Quản lý*) là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, được thành lập tại Quyết định số 2378/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 và đi vào hoạt động từ tháng 02/2019 trên cơ sở hợp nhất 07 Ban quản lý rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Hiện nay, Ban quản lý rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi được giao quản lý diện tích rừng và đất quy hoạch phát triển rừng phòng hộ là 106.394,66 ha trên địa bàn 06 huyện miền núi của tỉnh (chiếm 31,32% tổng diện tích đất lâm nghiệp và 84,24% tổng diện tích quy hoạch rừng phòng hộ toàn tỉnh) trong đó đất có rừng 85.405,77 ha (chiếm 37,94% tổng diện tích rừng và 84,26% tổng diện tích rừng phòng hộ toàn tỉnh).

Trong những năm qua trên địa bàn các huyện đã có nhiều Chương trình, dự án trồng rừng phủ xanh đất trống, đồi trọc như: 327, 661, Jica2, Chương trình Bảo vệ và Phát triển rừng..., mô hình khuyến lâm, phong trào toàn dân trồng cây phủ xanh đất trống, đồi núi trọc... Nhưng do nguồn vốn đầu tư hàng năm của các Chương trình, dự án này còn ít nên chưa đáp ứng được nhu cầu quản lý bảo vệ rừng, nhất là nhu cầu phát triển, làm giàu rừng bằng các loài cây bản địa và lâm sản phụ dưới tán rừng kết hợp với xây dựng cơ sở hạ tầng và mua sắm các loại phương tiện, trang thiết bị và dụng cụ bảo vệ rừng, PCCCR.

Nhằm nâng cao chất lượng và phát huy giá trị của rừng; góp phần đáp ứng các yêu cầu về giảm nhẹ thiên tai, bảo vệ môi trường sinh thái, ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng; tạo việc làm, tăng thu nhập, góp phần xóa đói, giảm nghèo, cải thiện sinh kế cho người dân làm nghề rừng, gắn với tiến trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn 06 huyện miền núi của tỉnh.

II. CHỦ ĐẦU TƯ

1. Cơ quan chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Ngãi
2. Cơ quan tổ chức thực hiện: Ban quản lý rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi;

III. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;
- Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

- Quyết định số 886/QĐ-TTg ngày 16/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020;

- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm Nghiệp;

- Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN ngày 06/7/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và bảo vệ rừng;

- Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017 của Bộ Xây dựng công bố định mức chi phí quản lý dự án và đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 21/2017/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Quyết định số 886/QĐ-TTg ngày 16/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020;

- Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung quản lý công trình lâm sinh;

- Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định về các biện pháp lâm sinh.

IV. MỤC TIÊU, QUY MÔ, ĐỊA ĐIỂM VÀ PHẠM VI ĐẦU TƯ

1. Mục tiêu

- Giữ vững sản xuất lâm nghiệp ổn định và phát triển lâu dài đạt hiệu quả kinh tế cao; Bảo vệ và duy trì diện tích rừng, năng suất của rừng; Góp phần giải quyết các vấn đề về kinh tế - xã hội tại địa phương như tạo công ăn việc làm, xóa đói, giảm nghèo, tăng thu nhập cho hộ gia đình, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số,...

- Từng bước xã hội hóa nghề rừng, phát triển lâm nghiệp bền vững, phát huy vai trò của người dân vùng rừng. Đồng thời tạo điều kiện môi trường đầu tư thuận lợi để thu hút các nguồn vốn từ nhiều thành phần kinh tế tham gia đầu tư bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn quản lý

- Nâng cao hiệu quả sử dụng đất; nhằm tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy rừng, hạn chế và dần tiến tới chấm dứt tình trạng xâm lấn, lấn chiếm đất rừng phòng hộ trên địa bàn Ban Quản lý quản lý, góp phần làm giàu rừng, bảo vệ môi trường sinh thái... làm hạn chế tác động của thiên tai đến đời sống của người dân.

- Bảo tồn và phát triển các loài Lâm sản ngoài gỗ, hạn chế mất rừng, suy thoái tài nguyên rừng và các hệ sinh thái rừng; Gắn các Chương trình, dự

án phát triển Lâm sản ngoài gỗ vào chương trình phát triển ngành nghề nông thôn, góp phần thực hiện Tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp bền vững.

- Nâng cao năng lực, nhận thức của người dân và cộng đồng về bảo tồn và phát triển Lâm sản ngoài gỗ.

2. Quy mô

- Trồng rừng phòng hộ tập trung: 3.000 ha;

- Trồng cây lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng: 3.500 ha. (Mây nếp 2.000 ha; Cây dược liệu, thực phẩm như Ba kích, Sa Nhân: 1.500 ha)

- Xây dựng các công trình phục vụ công tác bảo vệ rừng và phát triển rừng: Xây mới Trạm quản lý, bảo vệ rừng (05 trạm); Xây bảng tuyên truyền trực quan (90 bảng) Xây dựng bảng dự báo cấp cháy rừng (90 bảng); Xây dựng 01 vườn ươm công nghệ cao.

- Mua sắm phương tiện, trang thiết bị, dụng cụ bảo vệ rừng, PCCC: Máy bơm nước cao áp không tay và phụ kiện kèm theo (06 máy); Máy thổi gió xách tay (130 máy); Máy cưa xăng (50 máy); Máy định vị GPS (100 máy); Bàn đập lửa (600 cái); Quần áo chữa cháy (100 bộ); Xe ô tô chuyên dụng (06 xe); Xe mô tô (20 xe).

3. Địa điểm

Trên lâm phần 06 huyện của Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi

4. Phạm vi đầu tư

Xây dựng và tổ chức triển khai các hoạt động chính:

- Bảo vệ rừng;
- Phát triển rừng;
- Bảo tồn đa dạng sinh học;
- Nghiên cứu khoa học;
- Giám sát diễn biến loài bảo tồn, sinh cảnh rừng, tài nguyên môi trường rừng;

- Phát triển du lịch sinh thái, lịch sử, văn hóa và môi trường rừng

- Giáo dục – đào tạo

- Hỗ trợ phát triển cộng đồng dân cư vùng đệm

V. SƠ BỘ TỔNG MỨC ĐẦU TƯ VÀ CƠ CẤU NGUỒN VỐN

1. Tổng mức đầu tư: 670.000 triệu đồng

2. Nguồn kinh phí

2.1. Ngân sách Trung ương: 460.000 triệu đồng.

2.2. Ngân sách tỉnh (quản lý dự án): 210.000 triệu đồng;

VI. THỜI GIAN THỰC HIỆN DỰ ÁN

Giai đoạn từ năm 2021-2030.

VII. ĐÁNH GIÁ SƠ BỘ TÁC ĐỘNG

1. Về môi trường

Nâng cao độ che phủ của rừng, tăng cường chức năng phòng hộ, cải thiện môi trường đất và không khí, bảo vệ nguồn nước.

2. Về kinh tế - xã hội

- Khai thác đưa vào sử dụng có hiệu quả diện tích đất trống chưa có rừng, nâng cao hiệu quả sử dụng đất lâm nghiệp. Nâng cao ý thức bảo vệ rừng và môi trường sinh thái cho người dân trong vùng dự án.

- Thu hút vốn đầu tư từ các tổ chức, doanh nghiệp và lao động địa phương tham gia các hoạt động của dự án, tạo điều kiện tăng thu nhập cho nhân dân.

- Dự án góp phần nâng cao nhận thức của người dân về giá trị cây lâm sản và bảo vệ tài nguyên rừng bền vững; nhận thức và áp dụng các biện pháp kỹ thuật, tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, từ đó nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm tăng thu nhập, giảm sức ép vào tài nguyên rừng.

VIII. CÁC GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giải pháp về quy hoạch, kế hoạch

- Tổ chức rà soát, khoanh vùng, xác định diện tích đất trống và đất thu hồi sau khai thác để phục vụ công tác trồng rừng phòng hộ tập trung giai đoạn 2021-2025.

- Tổ chức quy hoạch các vùng Lâm sản ngoài gỗ, phát triển theo hai loại hình: Tập trung và phân tán. Xây dựng các khu rừng LSNG tập trung ở những nơi có diện tích lớn, điều kiện thổ nhưỡng phù hợp, liên vùng thuận lợi cho quản lý và tổ chức tiêu thụ, khuyến khích sự tham gia của cộng đồng, ưu tiên trồng mới các loài đa tác dụng, giá trị kinh tế cao. Những nơi không có điều kiện phát triển Lâm sản ngoài gỗ tập trung, trồng các loại cây phân tán. Trước mắt, xây dựng một số mô hình phát triển Lâm sản ngoài gỗ sau đó mới nhân rộng.

- Tiến hành điều tra, thống kê, đánh giá chi tiết về đặc điểm sinh thái, sinh vật học của từng loài Lâm sản ngoài gỗ, đánh giá mức độ phong phú, trữ lượng các loài có giá trị kinh tế; tình hình diễn biến tài nguyên Lâm sản ngoài gỗ, nhất là các loài đặc hữu có giá trị đặc biệt về kinh tế, về nghiên cứu khoa học làm cơ sở cho việc xây dựng Kế hoạch và đưa ra các biện pháp quản lý, bảo tồn và phát triển phù hợp cho từng loài, cho từng cộng đồng và từng địa phương cụ thể.

- Xác định diện tích và sự phân bố các loại Lâm sản ngoài gỗ trong kỳ kế hoạch. Có biện pháp quản lý, bảo vệ, sử dụng và phát triển các loại lâm sản cụ thể trên từng địa bàn xã, huyện. Trên cơ sở kế hoạch chung toàn Ban,

lập kế hoạch bảo vệ và phát triển Lâm sản ngoài gỗ của từng huyện, xã để tổ chức triển khai thực hiện.

2. Giải pháp về quản lý, bảo vệ

- Tổ chức ngăn chặn và xử lý tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất quy hoạch phòng hộ và tình trạng khai thác quá mức làm suy thoái, cạn kiệt các loài Lâm sản ngoài gỗ. Điều tra việc khai thác buôn bán trái phép Lâm sản ngoài gỗ trong vùng và có biện pháp xử lý nghiêm đối với các trường hợp vi phạm.

- Tuyên truyền nhằm đổi mới về mặt nhận thức của chính quyền các cấp, của cán bộ và nhân dân trong vùng về vai trò, về giá trị kinh tế của rừng và lâm sản ngoài gỗ, có sự phối hợp đồng bộ trong việc bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, khai thác và sử dụng một cách hiệu quả, bền vững.

3. Giải pháp về cơ chế, chính sách

- Khuyến khích các hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng sau khi được nhận khoán tham gia bảo vệ rừng trồng ổn định, lâu dài và phát triển gây trồng, nuôi Lâm sản ngoài gỗ theo nguyên tắc bền vững và được chia sẻ lợi ích từ rừng.

- Hỗ trợ đầu tư ban đầu, cho vay tín dụng ưu đãi theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ để phát triển kinh tế.

- Quy định rõ về quyền lợi, nghĩa vụ và tạo cơ chế chính sách phù hợp với thực tế cho người dân trong việc bảo vệ rừng, trồng rừng, bảo tồn và phát triển Lâm sản ngoài gỗ./.

DỰ ÁN 4

QUẢN LÝ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG RỪNG TỰ NHIÊN SẢN XUẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI

I. SỰ CẦN THIẾT

Hiện nay, hầu hết diện tích rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đã có chủ, đặc biệt rừng tự nhiên sản xuất đã thực hiện giao cho cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư theo dự án giao đất giao rừng để quản lý, bảo vệ và phát triển rừng theo quy định. Bên cạnh đó, trên địa bàn tỉnh hiện đang triển khai các chương trình, dự án liên quan đến bảo vệ rừng như: chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững; Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; bảo vệ rừng theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ; ..., qua đó đã góp phần thay đổi nhận thức của người dân về lợi ích của rừng trong việc cải thiện đáng kể sinh kế, ổn định an ninh, trật tự tại địa phương.

Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện các chương trình, dự án bảo vệ rừng nêu trên có lúc, có nơi vẫn còn nhiều hạn chế, một số khu vực chưa đáp ứng yêu cầu và chưa thực sự thu hút người dân tham gia. Đối với diện tích rừng tự nhiên sản xuất kinh phí hỗ trợ bảo vệ rừng hàng năm chưa đảm bảo, vì vậy việc xây dựng dự án quản lý bảo vệ rừng tự nhiên sản xuất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi là rất cần thiết, nhằm đảm bảo nguồn kinh phí hỗ trợ hàng năm ổn định, đối tượng được giao rừng yên tâm quản lý, bảo vệ và sản xuất.

II. CHỦ ĐẦU TƯ

1. Cơ quan chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và PTNT; UBND các huyện có rừng tự nhiên sản xuất;

2. Cơ quan tổ chức thực hiện: Tổ chức, UBND các xã, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có rừng tự nhiên sản xuất.

III. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ *Quy định* chi tiết thi hành một số điều của *Luật Lâm nghiệp*;

- Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp;

- Thông tư số 21/2017/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Quyết định số 886/QĐ-TTg ngày 16 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020.

- Thông tư số 62/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi Phê duyệt kết quả Rà soát điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Thông tư liên tịch số 93/2016/TTLT-BTC-BNNPTNT ngày 27/6/2016 của liên Bộ Tài chính - Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020;

- Quyết định số 07/2012/QĐ-TTg ngày 08/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành một số chính sách tăng cường công tác bảo vệ rừng;

- Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 10/02/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi Ban hành quy định mức chi cho các tổ chức, cá nhân được huy động hoặc tự nguyện tham gia ngăn chặn tình trạng chặt phá rừng trái pháp luật và chữa cháy rừng; mức hỗ trợ để Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tổ chức bảo vệ rừng tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

IV. MỤC TIÊU, QUY MÔ, ĐỊA ĐIỂM VÀ PHẠM VI ĐẦU TƯ

1. Mục tiêu

Quản lý bảo vệ tốt toàn bộ diện tích rừng tự nhiên sản xuất hiện có trên địa bàn tỉnh, góp phần nâng cao chất lượng rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và bảo vệ môi trường, giảm thiểu tác động của con người vào rừng, hạn chế lũ lụt, hạn hán, xói mòn,... tạo việc làm và góp phần tăng thu nhập cho người dân sống gần rừng, xóa đói giảm nghèo, giữ vững trật tự, an ninh quốc phòng trên địa bàn.

2. Quy mô

Diện tích dự kiến khoảng 26.282 ha.

3. Địa điểm

Tại các huyện: Đức Phổ, Mộ Đức, Nghĩa Hành, Tư Nghĩa, Bình Sơn, Sơn Hà, Sơn Tây, Tây Trà, Trà Bồng, Ba Tơ và Minh Long.

4. Phạm vi đầu tư

- Hỗ trợ bảo vệ rừng theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ;

- Hỗ trợ bảo vệ rừng theo Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ;

- Hỗ trợ bảo vệ rừng theo Quyết định số 07/2012/QĐ-TTg ngày 08/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ;

- Hỗ trợ phát triển lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng;

- Chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng theo Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ;

V. SƠ BỘ TỔNG MỨC ĐẦU TƯ VÀ CƠ CẤU NGUỒN VỐN

1. Tổng mức đầu tư

Tổng kinh phí dự kiến hỗ trợ là 177.310 triệu đồng/5năm

2. Nguồn kinh phí

2.1. Ngân sách Trung ương: 169.995 triệu đồng, trong đó:

- Hỗ trợ bảo vệ rừng: 38.585 triệu đồng/5năm (bình quân 7.717 triệu đồng/năm);

- Hỗ trợ phát triển lâm sản: 131.410 triệu đồng.

2.2. Ngân sách tỉnh: 3.192 triệu đồng/5năm (bình quân 638 triệu đồng/năm);

2.3. Dịch vụ môi trường rừng: 4.123 triệu đồng/5năm (bình quân 825 triệu đồng/năm).

VI. THỜI GIAN THỰC HIỆN DỰ ÁN

Thời gian dự kiến thực hiện: Từ năm 2021-2025./.

DỰ ÁN 5
TRỒNG MỚI RỪNG PHÒNG HỘ VEN BIỂN VÀ CẢNH QUAN MÔI
TRƯỜNG TẠI HUYỆN VEN BIỂN TỈNH QUẢNG NGÃI,
GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. SỰ CẦN THIẾT

Rừng phòng hộ ven biển có vai trò rất quan trọng trong việc cải thiện môi trường, chắn gió, chắn cát bay, chống xâm nhập mặn, bảo vệ đất sản xuất và các khu vực làng mạc dân cư phía bên trong bờ biển. Tuy nhiên hiện nay ở vùng ven bờ biển tỉnh Quảng Ngãi vẫn còn một số khu vực đồi núi trọc chưa được trồng rừng phủ xanh do đó đã ảnh hưởng xấu đến môi trường sống và sản xuất của nhân dân, làm cho đất đai ngày càng bị thoái hóa, bạc màu; về mùa hạ môi trường không khí khô nóng rất khắc nghiệt, mùa đông gió biển thổi mạnh làm ảnh hưởng xấu đến môi trường sống và sản xuất nông nghiệp phía bên trong bờ biển. Để tôn tạo cảnh quan, phục hồi và cải tạo môi trường đất, bảo vệ nguồn nước và bảo vệ môi trường sống cho các khu dân cư và sản xuất nông nghiệp của nhân dân thì cần thiết phải trồng rừng phủ xanh các vùng đồi núi và đất trống ven biển trong khu vực.

II. CHỦ ĐẦU TƯ

1. Cơ quan quyết định đầu tư: UBND tỉnh Quảng Ngãi.
2. Cơ quan quản lý: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Ngãi.
3. Cơ quan thực hiện: Chi cục Kiểm lâm tỉnh Quảng Ngãi/UBND các huyện/thành phố

III. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;
- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;
- Quyết định số 158/2008/QĐ-TTg ngày 02/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu;
- Quyết định số 120/QĐ-TTg ngày 22/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án bảo vệ và phát triển rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2015-2020;
- Công văn số 4559/UBND-NNTN ngày 19/8/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc lập báo cáo đề xuất chủ trương đối với các Dự án Trồng mới rừng ngập mặn ven biển giai đoạn 2016-2020.

IV. MỤC TIÊU, QUY MÔ, ĐỊA ĐIỂM VÀ PHẠM VI ĐẦU TƯ

1. Mục tiêu

Đầu tư trồng mới 120 ha rừng phòng hộ và cảnh quan môi trường trên các vùng đất trống ven biển để tạo đai rừng phòng hộ khép kín nhằm tăng cường khả năng phòng hộ chắn gió, chống cát bay, tôn tạo vẻ đẹp cảnh quan, bảo vệ sản xuất nông nghiệp, cải thiện môi trường sống và đảm bảo quốc phòng, an ninh trên tuyến biển của tỉnh, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu.

2. Quy mô

Diện tích dự kiến khoảng 500 ha.

3. Địa điểm

Tại địa bàn các xã ven biển tỉnh Quảng Ngãi.

4. Phạm vi đầu tư

- Trồng mới, chăm sóc, bảo vệ rừng: 500 ha.
- Công trình phục vụ trồng rừng: Cọc mốc lô, mốc ranh giới khu rừng; Bảng quy ước bảo vệ rừng; Biển báo bảo vệ rừng.

V. SƠ BỘ TỔNG MỨC ĐẦU TƯ VÀ CƠ CẤU NGUỒN VỐN

1. Tổng mức đầu tư

Tổng kinh phí dự kiến đầu tư là 100.000 triệu đồng.

2. Nguồn kinh phí

2.1. Vốn ngân sách tỉnh: 500 triệu đồng.

2.2. Vốn ngân sách Trung ương: 99.500 triệu đồng.

VI. THỜI GIAN THỰC HIỆN DỰ ÁN

Thời gian dự kiến thực hiện: Từ năm 2021-2025./.